

TỔNG ĐIỀU TRA NÔNG THÔN, NÔNG NGHIỆP VÀ THỦY SẢN NĂM 2006

NHỮNG THÀNH CÔNG VÀ TỒN TẠI

Phạm Quang Vinh*

Ngày 27/9/2010 Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 1785/QĐ-TTg về tổ chức Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2011. Để rút kinh nghiệm cho tổ chức cuộc Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2011, Tổng cục Thống kê đánh giá về những thành công cũng như những vấn đề còn tồn tại ở một số công tác chủ yếu trong Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2006 (sau đây viết tắt là Tổng điều tra năm 2006) như sau:

A. Những thành công trong tổ chức thực hiện Tổng điều tra năm 2006

1. Đối tượng, đơn vị, phạm vi Tổng điều tra được xác định rõ ràng, tạo điều kiện thuận lợi cho thực hiện các công tác khác

Phương án Tổng điều tra năm 2006 đã quy định rõ về đối tượng, đơn vị, phạm vi điều tra, phù hợp với nội dung và yêu cầu thông tin của từng loại phiếu, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng kế hoạch, quy trình triển khai các khâu Tổng điều tra. Đối với các đơn vị điều tra toàn bộ như hộ nông thôn, hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản ở thành thị, trang trại, hợp tác xã, doanh nghiệp nông, lâm, thủy sản quy định phạm vi như phương án điều tra là cụ thể, phù hợp với các văn bản pháp lý hiện nay về các loại đơn vị điều tra này đồng thời cũng đảm bảo tính thống nhất với 2 kỳ điều tra trước nên đã cho

phép việc so sánh kết quả giữa các lần Tổng điều tra.

Trên cơ sở xác định rõ ràng đối tượng, đơn vị và phạm vi điều tra, Ban Chỉ đạo Tổng điều tra các cấp có cơ sở để thực hiện quy trình lập bảng kê, triển khai các công tác tuyên truyền, trung tập điều tra viên, tập huấn, sử dụng bộ máy chính quyền xã, thôn, ấp, bản vào công tác điều tra, thu thập thông tin tại đơn vị điều tra.

2. Nội dung Tổng điều tra có nhiều bổ sung đã phản ánh bức tranh tổng thể về nông nghiệp, nông thôn, đáp ứng yêu cầu đánh giá, xây dựng kế hoạch, hoạch định chính sách và chiến lược phát triển kinh tế – xã hội của cả nước cũng như từng địa phương

So với Tổng điều tra 1994 và 2001, phương án Tổng điều tra 2006 đã có những thay đổi căn bản quan trọng về kết cấu nội dung đó là việc trình bày các nội dung Tổng điều tra thành 2 nhóm chỉ tiêu về: Nông thôn và nông, lâm nghiệp, thủy sản. Những thay đổi đó vừa phản ánh được nội dung Tổng điều tra, phù hợp với thông lệ quốc tế vừa tạo tiền đề xuyên suốt quá trình xây dựng biểu mẫu, tổng hợp, xử lý số liệu, xây dựng đầu ra, công bố số liệu và các phân tích chuyên sâu.

Tổng điều tra năm 2006 đã kế thừa nhiều nội dung được thu thập trong Tổng điều tra năm 2001

* Vụ trưởng, Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản

nhưng cũng giảm bớt các thông tin khó thu thập hoặc không còn phù hợp với thực tế hiện nay, đồng thời bổ sung thêm những thông tin cần thiết, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, quản lý của Đảng và chính quyền các cấp, phục vụ phân tích chuyên đề và lập dàn chọn mẫu cho các cuộc điều tra thường xuyên. Những nội dung chủ yếu được bổ sung bao gồm: Thông tin về diện tích gieo trồng lúa của hộ theo từng vụ (phục vụ điều tra chọn mẫu), về giống vật nuôi (lợn lai, bò lai, gà công nghiệp), tình hình cho thuê, cho mượn đất nông nghiệp của các hộ ở nông thôn, hoạt động khuyến nông, lâm, ngư; số lượng tàu, thuyền đánh bắt thủy sản phân theo công suất, ngư trường và nghề đánh bắt chủ yếu; số tàu, thuyền chuyên dịch vụ thủy sản. Đây là những thông tin quan trọng giúp cho việc đánh giá toàn diện điều kiện sản xuất nông nghiệp và năng lực đánh bắt, dịch vụ thủy sản. Tổng điều tra năm 2006 đã bổ sung thêm các thông tin về hiệu quả sản xuất một số nông sản, thủy sản chủ yếu: lúa, lợn thịt, cà phê, chè, cá tra/cá ba sa, tôm sú là nội dung chưa được đề cập trong các lần Tổng điều tra trước cũng như trong các cuộc điều tra hàng năm, hiện đang được các cấp, các ngành rất quan tâm. Tổng điều tra còn bổ sung một số thông tin khác về nông, lâm nghiệp và thủy sản như: An ninh lương thực của hộ, vai trò phụ nữ trong sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản, tình hình chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông, lâm nghiệp và thủy sản; tình hình sử dụng phân bón, thuốc trừ sâu bệnh, thuốc diệt cỏ, ... Nhiều thông tin về nông thôn cũng được bổ sung để phản ánh toàn diện hơn về bức tranh nông thôn hiện nay như: Kết quả thực hiện một số chương trình mục tiêu quốc gia về hỗ trợ người nghèo, sử dụng nước sạch, vệ sinh môi trường, xử lý chất thải trên địa bàn nông thôn,...và các thông tin cơ bản khác về cơ sở hạ tầng, hệ thống các hoạt động dịch vụ, môi trường sống và hệ thống khuyến nông, lâm, ngư từ cấp xã đến cấp thôn. Ngoài ra, nhiều nơi

(cấp tỉnh và cấp huyện) còn bổ sung một số chỉ tiêu về nông thôn, nông nghiệp mang tính đặc thù của địa phương vào Tổng điều tra này.

Nhìn chung, với hệ thống phiếu điều tra gồm 7 loại, trong đó 5 loại phiếu điều tra toàn bộ và 2 loại phiếu điều tra mẫu với nhiều chỉ tiêu đã đảm bảo cung cấp những thông tin cơ bản phản ánh được thực trạng nông thôn và bức tranh tổng thể về nền sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản nước ta khi bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm 2006-2010.

3. Các quy trình áp dụng trong Tổng điều tra đã được hoàn thiện, đổi mới so với các lần Tổng điều tra trước

Các quy trình Tổng điều tra được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế. Những thay đổi lớn tập trung vào việc xác định số lượng các đơn vị điều tra (vẽ sơ đồ, lập bảng kê). Phương pháp xác định số lượng đơn vị điều tra trong Tổng điều tra năm 2006 đã có nhiều đổi mới và hoàn thiện thông qua việc thực hiện vẽ sơ đồ ở 9 tỉnh, thành phố, đồng thời có những qui định cụ thể và chặt chẽ hơn trong việc lập bảng kê các loại đơn vị điều tra. Vì vậy, kết quả điều tra và lập bảng kê không có sự chênh lệch đáng kể (trừ số lượng trang trại ở một vài tỉnh). Việc chọn 9 tỉnh, thành phố để thử nghiệm phương pháp vẽ sơ đồ để xác định số lượng đơn vị điều tra đã rút ra những bài học kinh nghiệm cho các lần tổng điều tra sau. Quy trình nghiệm thu, bàn giao tài liệu đã có bổ sung thêm những qui định về tỷ lệ sai sót khi nghiệm thu và đánh giá chất lượng chung các loại phiếu. Các quy trình khác đều có những bổ sung, hoàn thiện so với Tổng điều tra năm 2001. Việc bổ sung và hoàn thiện các quy trình đã tạo cơ sở cho việc tổ chức thực hiện thống nhất trên phạm vi cả nước, làm tăng tính khoa học, tính nghiêm túc trong chỉ đạo thực hiện các khâu Tổng điều tra, là một trong các yếu tố quyết định đến chất lượng số

Kinh nghiệm Tổng điều tra

liệu và sự thành công của cuộc Tổng điều tra.

4. Nhiều công tác trọng tâm trong tổ chức thực hiện Tổng điều tra năm 2006 có những tiến bộ, đổi mới so với Tổng điều tra năm 2001, cụ thể:

Tập huấn, các lớp tập huấn nghiệp vụ các cấp về cơ bản đã triển khai đúng kế hoạch và quy trình đề ra. Tùy theo đối tượng dự lớp tập huấn ở từng cấp mà nội dung, phương pháp tập huấn có thay đổi. Việc tổ chức các lớp tập huấn ở địa phương vừa linh hoạt, vừa nghiêm túc, cuối lớp có kiểm tra, phân loại. Giảng viên lớp tập huấn được lựa chọn kỹ và nói chung nắm vững nghiệp vụ, Ban Chỉ đạo cấp tỉnh đã chủ động và có kế hoạch hỗ trợ về giảng viên đối với những huyện thiếu hoặc yếu về lực lượng. Công tác kiểm tra, giám sát trực tiếp việc tập huấn của cấp dưới được chú ý đã góp phần giải đáp kịp thời những vấn đề nghiệp vụ. Vì vậy, kết quả các lớp tập huấn khá tốt và cơ bản đảm bảo các yêu cầu đề ra.

Công tác tuyên truyền, quán triệt chủ trương tuyên truyền thiết thực và hiệu quả, nên trọng tâm công tác này là ở địa phương, nhất là cấp tỉnh, huyện, xã, thôn. Tùy theo điều kiện cụ thể của từng địa phương, Ban Chỉ đạo Tổng điều tra các cấp tỉnh, huyện, xã đã vận dụng các hình thức tuyên truyền thích hợp và có hiệu quả qua hệ thống truyền hình, truyền thanh, báo chí, pa nô, khẩu hiệu. Hệ thống loa phát thanh ở xã, thôn đã phục vụ tốt cho công tác tuyên truyền ở các địa phương. Nhờ cách vận dụng linh hoạt và thiết thực như trên nên hầu hết cán bộ xã, thôn và hộ nông dân biết được mục đích, yêu cầu và nội dung cuộc Tổng điều tra, từ đó họ tự giác tạo điều kiện thuận lợi cho điều tra viên khi triển khai công việc.

Thu thập số liệu tại địa bàn, việc triển khai thu thập thông tin trực tiếp tại đơn vị điều tra được tổ chức chặt chẽ và cơ bản đảm bảo tiến độ. Phần lớn các địa phương tổ chức điều tra thí điểm một số hộ để rút kinh nghiệm trong ngày đầu, sau đó mới

mở rộng. Ngoài việc kiểm tra trực tiếp tại các xã, một số huyện đã tập trung toàn số phiếu điều tra trong vài ngày đầu để kiểm tra, xử lý ngay các vấn đề phát sinh và rút kinh nghiệm tổ chức thu thập số liệu cho từng địa bàn, từng điều tra viên. Sau một tuần triển khai thu thập số liệu, hầu hết Ban Chỉ đạo cấp tỉnh đã có thông báo nghiệp vụ để kịp thời chấn chỉnh và rút kinh nghiệm cho Ban Chỉ đạo cấp dưới. Vì vậy, những hạn chế trong chỉ đạo và những sai sót về nghiệp vụ trong quá trình thu thập số liệu được chấn chỉnh và rút kinh nghiệm kịp thời đến toàn bộ lực lượng tham gia Tổng điều tra, nhất là cấp cơ sở. Điểm mới trong công tác thu thập số liệu là các địa phương có sự phân công rõ ràng điều tra viên theo từng loại phiếu điều tra.

Công tác kiểm tra, thanh tra, phúc tra, công tác kiểm tra, thanh tra từ trung ương đến địa phương được thực hiện sớm và khá toàn diện, trong đó tập trung vào kiểm tra việc thực hiện các quy trình của các cấp từ vẽ sơ đồ, lập bảng kê, tập huấn, chọn mẫu, thu thập số liệu đến nhập tin. Nét mới trong công tác này là việc hình thành các đoàn thanh tra có động cấp trung ương và cấp tỉnh. Hầu như toàn bộ cán bộ cốt cán và cán bộ nghiệp vụ tốt của ngành Thống kê từ tỉnh đến huyện được huy động tham gia vào công tác này. Nhờ vậy đã chấn chỉnh, uốn nắn kịp thời các sai sót, nâng cao trình độ nghiệp vụ của điều tra viên và tổ trưởng. Công tác phúc tra được các địa phương chú trọng và thực hiện theo đúng quy trình của Ban Chỉ đạo trung ương. Kết quả phúc tra cho thấy về cơ bản không có sự chênh lệch lớn giữa số liệu điều tra và phúc tra. Ở những địa bàn nào có sự chênh lệch nhiều, các địa phương đã chỉ đạo kiểm tra, rà soát lại toàn bộ kết quả điều tra tại địa bàn đó. Vì vậy, công tác phúc tra không chỉ giúp cho việc đánh giá chất lượng số liệu thu thập mà còn góp phần giúp các địa phương phát hiện và hoàn thiện số liệu ở những địa bàn còn yếu. Việc quy định rõ ngay từ đầu về thực hiện phúc tra đã

góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của toàn bộ lực lượng điều tra viên.

Nghiệm thu kết quả Tổng điều tra, công tác nghiệm thu kết quả Tổng điều tra được thực hiện theo quy trình do Ban Chỉ đạo Trung ương xây dựng. Do vậy, việc nghiệm thu kết quả Tổng điều tra đã được thực hiện thống nhất trên phạm vi cả nước. Việc thực hiện theo đúng quy trình đã có tác dụng tích cực trong phát hiện những mâu thuẫn trong số liệu để sớm khắc phục, đồng thời đảm bảo được tiến độ đề ra. Với những qui định cụ thể về nghiệm thu cho từng cấp, công tác nghiệm thu của các cấp cơ sở nhất là khi cấp huyện nghiệm thu kết quả điều tra của cấp xã đã được các địa phương rất coi trọng và tổ chức thực hiện nghiêm túc. Nhiều địa phương còn đặt ra những yêu cầu trong nghiệm thu chặt chẽ hơn so với qui định của Trung ương. Hầu hết các huyện tổ chức rà soát 100% các phiếu trước khi tổng hợp nhanh và nghiệm thu. Qua tổng hợp nhanh và nghiệm thu đã phát hiện được những chỗ chưa hợp lý của số liệu, giúp địa phương hoàn thiện phiếu điều tra cả về chỉ tiêu điều tra và độ tin cậy của số liệu thu thập.

Nhập tin, xử lý số liệu Tổng điều tra, công tác nhập tin và xử lý số liệu Tổng điều tra năm 2006 đã có những bước cải tiến, việc quản lý, giám sát được thực hiện một cách chặt chẽ, khắc phục được những hạn chế, nhược điểm trong công tác nhập tin và xử lý số liệu của Tổng điều tra năm 2001. Điểm tiến bộ trong công tác nhập tin Tổng điều tra năm 2006 là Trung tâm Tin học thống kê đã tham gia ngay từ khi xây dựng phương án, thiết kế phiếu điều tra từ bước thử nghiệm tới phiếu chính thức nên đã góp phần hạn chế được các sai sót trong khâu điều tra và khâu xử lý; đã xây dựng chi tiết 11 quy trình liên quan tới khâu xử lý; phần mềm nhập tin đã cài nhiều cảnh báo để giúp cho các địa phương phát hiện và xử lý ngay những sai sót trong quá trình nhập tin. Bên cạnh đó, việc giao cho các địa phương nhập

tin toàn bộ các loại phiếu điều tra cũng sẽ giúp cho việc xử lý ngay những sai sót, mẫu thuẫn.

Công bố số liệu, kết quả Tổng điều tra được công bố theo đúng kế hoạch. Số liệu sơ bộ được công bố vào tháng 12/2003. Số liệu chính được công bố nhiều lần theo từng nội dung với nhiều hình thức ấn phẩm khác nhau (ấn phẩm in giấy, đĩa CD, xây dựng cơ sở dữ liệu, đưa lên Internet, GSO net). Đáng chú ý là thời gian công bố số liệu chính thức được rút ngắn 6 tháng so với Tổng điều tra năm 2001.

Những tồn tại

Bên cạnh những thành công, việc tổ chức thực hiện Tổng điều tra năm 2006 vẫn bộc lộ những mặt hạn chế cần rút kinh nghiệm cho Tổng điều tra năm 2011.

Về đối tượng, đơn vị, phạm vi điều tra: Việc qui định không điều tra các hộ độc thân thuê nhà sống tập thể làm việc ở các khu công nghiệp và khu chế xuất ở nông thôn đã làm cho kết quả điều tra chưa phản ánh đầy đủ số lượng và kết quả chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn. Bên cạnh đó, việc qui định điều tra toàn bộ các trang trại, trong khi tiêu chí về trang trại không còn phù hợp với thực tế đã dẫn đến nhiều bất cập trong điều tra trang trại. Nhiều địa phương có quá nhiều hộ đạt tiêu chí trang trại đã loại bỏ bớt những trang trại nhỏ. Do vậy, số liệu về trang trại chưa thống nhất giữa các địa phương, việc so sánh giữa các địa phương bộc lộ nhiều hạn chế.

Về nội dung: Việc tổ chức thu thập thông tin của cả 7 loại phiếu với nội dung khá phức tạp trong một thời gian ngắn (50 ngày) là khối lượng quá tải đối với các tỉnh, thành phố, ảnh hưởng đến công tác chỉ đạo, kiểm tra và chất lượng chung của tất cả các loại phiếu.

Nội dung điều tra dù đã bổ sung, hoàn thiện nhiều so với Tổng điều tra năm 2001, nhưng vẫn còn bộc lộ những hạn chế nhất định. Nội dung

Kinh nghiệm Tổng điều tra

thông tin thu thập của phiếu có số lượng lớn - phiếu 1/ĐTH vẫn còn quá nhiều, nội dung một số chỉ tiêu còn phức tạp đối với nhiều điều tra viên, việc thiết kế, giải thích một số chỉ tiêu chưa rõ ràng dẫn đến ghi phiếu chưa đúng theo yêu cầu, dễ sai sót, khó kiểm tra, đặc biệt là các chỉ tiêu về số người trong độ tuổi lao động, hoạt động kinh tế của các thành viên trong hộ (chỉ ghi mã, không ghi rõ tên hoạt động cụ thể). Một số loại phiếu khác, việc thiết kế chưa thể hiện rõ mối quan hệ logic giữa các chỉ tiêu nhất là các chỉ tiêu về vốn và kết quả sản xuất dẫn đến một số địa phương chưa khai thác đúng phạm vi yêu cầu. Ngoài ra, việc phân tổ loại hình sản xuất của trang trại cũng chưa phản ánh đầy đủ thực tế và chưa rõ ràng cũng gây lúng túng cho một số địa phương.

Những bất cập trên làm cho cuộc Tổng điều tra nặng nề, gây khó khăn trong chỉ đạo thực hiện, tốn kém kinh phí, chất lượng số liệu thu thập bị hạn chế.

Các quy trình áp dụng trong Tổng điều tra:
Một số quy định trong các quy trình Tổng điều tra chưa hoàn toàn phù hợp: Quy trình kiểm tra phiếu của điều tra viên và tổ trưởng qui định về giao nhận phiếu hàng ngày chưa phù hợp với các địa bàn rộng, nhất là miền núi, vùng sâu; Quy trình chọn mẫu qui định chọn mẫu dựa vào kết quả lập bảng kê nhưng thông tin về ngành sản xuất chính của hộ từ lập bảng kê còn chênh lệch nhiều so với điều tra nên một số địa bàn có nhiều hoạt động ngành nghề phi nông nghiệp phải chọn lại mẫu sau khi kết thúc tổng hợp nhanh từ điều tra toàn bộ; Quy trình phúc tra qui định việc chọn hộ phúc tra quá phân tán đã gây nhiều khó khăn cho các địa phương, đồng thời các chỉ tiêu phúc tra chưa cụ thể, khó thu thập và tổng hợp; Quy trình nghiệm thu và bàn giao tài liệu ngay từ đầu chưa có quy định về đánh giá chất lượng các loại phiếu điều tra (xác định và phân loại lỗi như thế nào, lỗi nào có thể sửa ngay, lỗi nào

phải xuống cơ sở xác minh; tỷ lệ sai sót như thế nào thì có thể nghiệm thu, phương pháp đánh giá chung chất lượng các loại phiếu như thế nào,...). Vì vậy, việc thực hiện các quy trình vẫn còn hạn chế và chưa thống nhất giữa các địa phương.

Một số công tác trọng tâm trong tổ chức thực hiện Tổng điều tra còn bộ lộ những hạn chế, cụ thể:

Một số địa phương tập huấn cho cấp huyện còn muộn, nên khoảng thời gian giữa tập huấn cho cấp huyện và cho cấp xã chưa hợp lý, dẫn đến tình trạng một số giảng viên cho cấp xã không đủ thời gian chuẩn bị bài giảng. Vẫn còn hiện tượng tập huấn chưa theo đúng quy trình, mới chỉ giảng trên hội trường mà không tổ chức đi thực tập cách ghi phiếu. Cá biệt, để rút ngắn thời gian thu thập số liệu, một số xã, sau khi dự tập huấn cấp huyện, đã tự huy động thêm điều tra viên và tự tổ chức tập huấn cho những điều tra viên này. Cách thức tập huấn này thường không đảm bảo thời gian tối thiểu và các nội dung theo yêu cầu, vì thế điều tra viên không hiểu hết các nghiệp vụ cần thiết, dẫn đến tình trạng chất lượng thông tin ghi phiếu của những điều tra viên này rất thấp.

Việc triển khai tuyên truyền chưa đồng đều giữa các địa phương. Công tác tuyên truyền ở Trung ương và một số địa phương chưa được quan tâm đúng mức nên ít sôi động và chưa tương xứng với một cuộc Tổng điều tra lớn. Một số địa phương còn lúng túng do hạn chế về kinh phí.

Lập bảng kê hộ một số nơi chưa thực hiện theo đúng quy trình. Mới chỉ chú ý nhiều cho công tác lập bảng kê danh sách các hộ, việc lập danh sách các đơn vị điều tra khác nhất là các trang trại thực hiện còn nhiều lúng túng. Ngoài ra, do thời gian gấp và chỉ đạo chưa kiên quyết nên hầu hết các địa phương đều không thực hiện việc rà soát, hiệu chỉnh sơ đồ, bảng kê. Công việc này chủ yếu do điều tra viên thực hiện trong quá trình điều tra. Một số thông

tin ghi trong bảng kê chất lượng chưa cao (ngành sản xuất chính của hộ), còn chênh lệch nhiều với kết quả điều tra thực tế. Do vậy, nhiều nơi phải chọn lại mẫu sau khi có tổng hợp nhanh điều tra toàn bộ.

Các văn bản hướng dẫn sử dụng kinh phí của Bộ Tài chính và Tổng cục Thống kê còn chậm so với tiến độ triển khai các công việc ở các địa phương đã ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng triển khai công tác chuyên môn nhất là công tác tập huấn và tuyên truyền. Mức chi một số khâu công việc (vẽ sơ đồ, lập bảng kê, nhập tin, vận chuyển,...) chưa thật hợp lý giữa các vùng (núi cao, núi thấp, đồng bằng).

Chất lượng số liệu ban đầu còn hạn chế nhất là các phiếu từ số 2 đến số 7. Nguyên nhân do: (1) Ban Chỉ đạo Trung ương cũng như các địa phương tập trung quá nhiều vào chỉ đạo, kiểm tra, thanh tra việc thu thập thông tin của phiếu số 1 (phiếu điều tra toàn bộ các hộ), chưa dành thời gian thích đáng cho kiểm tra các loại phiếu khác, một số nơi còn khoán cho điều tra viên, xem nhẹ công tác kiểm tra, giúp đỡ, phát hiện và sửa chữa kịp thời tại địa bàn. (2) Trình độ điều tra viên không đều, nhất là ở miền núi, một số điều tra viên không nắm chắc nghiệp vụ điều tra, lại không nghiêm túc tuân theo đúng quy trình phỏng vấn và kiểm tra.

Một số địa bàn triển khai chậm so với qui định (hầu như tỉnh nào cũng có địa bàn triển khai chậm từ 3 đến 7 ngày), cá biệt ở có địa bàn đến 20/7/2006 chưa triển khai thu thập số liệu (tỉnh đã phải huy động lực lượng nơi khác – thôn khác, xã và huyện xuống điều tra). Một số tỉnh không đảm bảo tiến độ thu thập số liệu các loại phiếu từ phiếu số 2 đến phiếu số 7 theo qui định của Ban Chỉ đạo Trung ương, làm chậm tiến độ chung của cả nước. Do vậy, đến đầu tháng 9 mới hoàn thành khâu thu thập số liệu ở tất cả các loại phiếu trên phạm vi cả

nước (theo kế hoạch phải hoàn thành trước 16/8/2006).

Công tác kiểm tra, thanh tra thực hiện chưa đều, chưa thường xuyên, mới tập trung vào khâu thu thập số liệu phiếu số 1/ĐTH. Việc kiểm tra, thanh tra các công việc khác (vẽ sơ đồ, lập bảng kê, tập huấn, thu thập thông tin các loại phiếu từ 2-7) triển khai chậm và chưa được nhiều nên ít tác dụng trong việc chấn chỉnh các sai sót. Tác dụng của công tác kiểm tra, thanh tra còn hạn chế do ở một số địa phương việc rút kinh nghiệm mới dừng lại đến cấp huyện và tại những địa bàn được trực tiếp kiểm tra và thanh tra. Những tồn tại phát hiện qua kiểm tra, thanh tra chưa được thông báo và rút kinh nghiệm đến toàn bộ lực lượng tham gia Tổng điều tra nhất là Ban Chỉ đạo cấp xã, đội ngũ tổ trưởng và điều tra viên. Do vậy, mặc dù Ban Chỉ đạo Trung ương và Ban Chỉ đạo cấp tỉnh đã kịp thời ra nhiều thông báo nghiệp vụ sau mỗi đợt kiểm tra, thanh tra nhưng nhiều Ban Chỉ đạo cấp xã, tổ trưởng và điều tra viên vẫn không nắm được. Nhiều tổ trưởng chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình trong việc kiểm tra và chấn chỉnh ngay những sai sót của điều tra viên, đặc biệt một số tổ trưởng chỉ kiểm tra phiếu khi toàn bộ các hộ đã được điều tra viên thu thập số liệu xong. Do vậy, nhiều sai sót hệ thống của các điều tra viên không được chấn chỉnh kịp thời, dẫn đến kéo dài thời gian cho công tác hoàn thiện và nghiệm thu tài liệu.

Trên đây là những thành công và hạn chế trong quá trình tổ chức Tổng điều tra năm 2006. Việc nghiêm túc đánh giá, kiểm điểm lại những mặt được và chưa được trong quá trình tổ chức Tổng điều tra năm 2006 ở tất cả các cấp có ý nghĩa rất quan trọng, giúp cho việc tổ chức Tổng điều tra năm 2011 đạt được kết quả tốt hơn./.